

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 24/2025/HN-ST
Ngày: 21/01/2025
V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đoàn Lĩnh

Bà Bào Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HN ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

+ Nghuyên đơn: **Dương Thị K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Ninh Đồng, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

+ Bị đơn: **Lê Định T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Ninh Đồng, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị K xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị K trình bày:

Chị và anh Lê Định T quen biết, tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/2007. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T ham chơi cờ bạc (số đề), không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau trong suốt thời gian chung sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Chị khuyên can rất nhiều nhưng anh không thay đổi. Chị cố gắng sống để con chị

trưởng thành nhưng ngày càng không thể chung sống với nhau được nữa. Chị nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tường.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung tên Lê Tường N, sinh ngày 30/8/2006 hiện đã trưởng thành và Lê Tường H, sinh ngày 18/11/2011. Ly hôn, chị đồng ý để cháu Tường H cho anh T nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Đình T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị K.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K với anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Tường H, sinh ngày 18/11/2011 cho anh T nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị Dương Thị K và anh Lê Đình T tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới năm 2005, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 06/9/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Dương Thị K có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Kiều.

Bị đơn anh Lê Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải chị K yêu cầu được ly hôn với anh T nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T ham chơi cờ bạc (sô đề), không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau trong suốt thời gian chung sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh

nhật. Chị khuyên can rất nhiều nhưng anh không thay đổi. Chị cố gắng sống để con trưởng thành nhưng ngày càng không thể chung sống với nhau được nữa. Chị nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn chị K trình bày đã kéo dài nhưng anh T, chị K không khắc phục được làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời anh T đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh T không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn chị K trình bày là có xảy ra. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị K là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Lê Tường N, sinh ngày 30/8/2006 hiện đã trưởng thành và Lê Tường H, sinh ngày 18/11/2011 hiện đang sống chung với anh T nên chị K đồng ý giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, đây là ý kiến tự nguyện của chị K nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Anh T vắng mặt không trình bày ý kiến cũng như yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị K.*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị K được ly hôn với anh Lê Đình T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Tường H, sinh ngày 18/11/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Dương Thị K phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0009868 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị K đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị K, anh T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Nông sở;
- UBND xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, Bình Thuận;
- Lưu hoà số.

(Đã ký)

Phan Thanh Bình